

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 10 năm 2021

Số: 20 /NQ-ĐHTCM-HĐT

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Danh mục vị trí việc làm và số người làm việc tương ứng

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - MARKETING

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 378/QĐ-TTg ngày 23 tháng 03 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Tài chính - Marketing giai đoạn 2015-2017;

Căn cứ Quyết định số 1483/QĐ-BTC ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng trường;

Căn cứ Quyết định số 203/QĐ-BTC ngày 25 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công nhận Hội đồng trường Trường Đại học Tài chính - Marketing nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Theo đề nghị của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này “Danh mục vị trí việc làm và số người làm việc tương ứng của Trường Đại học Tài chính - Marketing giai đoạn 2021 - 2023”.

Điều 2. Danh mục vị trí việc làm và số người làm việc tương ứng là cơ sở để Nhà trường xây dựng Kế hoạch tuyển dụng viên chức, lao động giai đoạn 2021 - 2023.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng trường, Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng, Trưởng các đơn vị của Trường chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính (để b/c);
- Đảng ủy, Ban Giám hiệu;
- Các thành viên HĐT;
- Các đơn vị thuộc Trường;
- Lưu: VT, TK, HĐT.

TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH

(Đã ký)

PGS. TS. Phạm Tiến Đạt

**BỘ TÀI CHÍNH
HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ VÀ CHỨC DANH
NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC GIẢNG DẠY THUỘC TRƯỜNG**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 20 /NQ-ĐHTCM-HĐT ngày 28 tháng 10 năm
2021 của Hội đồng trường)

STT	Khung danh mục vị trí việc làm	Tên vị trí việc làm ¹	Chức danh nghề nghiệp, hạng chức danh nghề nghiệp tối thiểu ²
I	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý Trường		
1.	Chủ tịch Hội đồng trường	Chủ tịch Hội đồng trường Đại học Tài chính - Marketing	Giảng viên chính, hạng II hoặc tương đương
2.	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng trường Đại học Tài chính - Marketing	Giảng viên chính, hạng II hoặc tương đương
3.	Phó Hiệu trưởng	Phó Hiệu trưởng trường Đại học Tài chính - Marketing	Giảng viên chính, hạng II hoặc tương đương
II	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường		
1	Trưởng phòng, khoa và tương đương	Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính	Chuyên viên hoặc tương đương
2		Trưởng phòng Quản lý đào tạo	Giảng viên, hạng III hoặc tương đương
3		Trưởng phòng Quản lý khoa học	Giảng viên, hạng III hoặc tương đương
4		Trưởng phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng	Chuyên viên hoặc tương đương
5		Trưởng phòng Công tác sinh viên	Chuyên viên hoặc tương đương
6		Trưởng phòng Quản trị thiết bị	Chuyên viên hoặc tương đương
7		Trưởng phòng Thanh tra giáo dục	Chuyên viên hoặc tương đương
8		Trưởng phòng Công nghệ thông tin	Chuyên viên hoặc tương đương

¹ Cụ thể tên vị trí việc làm của đơn vị

² Hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên hoặc ngạch công chức hành chính tối thiểu cần theo từng vị trí việc làm (Giảng viên hạng.../Chuyên viên....)

STT	Khung danh mục vị trí việc làm	Tên vị trí việc làm ¹	Chức danh nghề nghiệp, hạng chức danh nghề nghiệp tối thiểu ²
9		Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính	Chuyên viên hoặc tương đương
10		Trưởng phòng Quản lý Ký túc xá	Chuyên viên hoặc tương đương
11		Giám đốc Thư viện	Chuyên viên hoặc tương đương
12		Giám đốc Trung tâm Tuyển sinh và Quan hệ doanh nghiệp	Chuyên viên hoặc tương đương
13		Giám đốc Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học	Chuyên viên hoặc tương đương
14		Giám đốc Trung tâm Bồi dưỡng và Tư vấn tài chính - hải quan	Chuyên viên hoặc tương đương
15		Trưởng Trạm Y tế	Bác sĩ hoặc tương đương
16		Viện trưởng Viện Đào tạo sau đại học	Giảng viên, hạng III hoặc tương đương
17		Viện trưởng Viện Đào tạo quốc tế	Giảng viên, hạng III hoặc tương đương
18		Viện trưởng Viện Đào tạo thường xuyên	Giảng viên, hạng III hoặc tương đương
19		Viện trưởng Viện Nghiên cứu Kinh tế ứng dụng	Giảng viên, hạng III hoặc tương đương
20		Trưởng khoa Tài chính - Ngân hàng	Giảng viên, hạng III
21		Trưởng khoa Thuế - Hải quan	Giảng viên, hạng III
22		Trưởng khoa Quản trị kinh doanh	Giảng viên, hạng III
23		Trưởng khoa Thương mại	Giảng viên, hạng III
24		Trưởng khoa Kế toán - Kiểm toán	Giảng viên, hạng III
25		Trưởng khoa Marketing	Giảng viên, hạng III
26		Trưởng khoa Thẩm định giá - Kinh doanh Bất động sản	Giảng viên, hạng III
27		Trưởng khoa Du lịch	Giảng viên, hạng III
28		Trưởng khoa kinh tế - Luật	Giảng viên, hạng III
29		Trưởng khoa Công nghệ thông tin	Giảng viên, hạng III

STT	Khung danh mục vị trí việc làm	Tên vị trí việc làm ¹	Chức danh nghề nghiệp, hạng chức danh nghề nghiệp tối thiểu ²
30		Trưởng khoa Ngoại ngữ	Giảng viên, hạng III
31		Trưởng khoa Lý luận chính trị	Giảng viên, hạng III
32		Trưởng khoa Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất	Giảng viên, hạng III
1	Phó Trưởng phòng, khoa và tương đương	Phó Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính	Chuyên viên hoặc tương đương
2		Phó Trưởng phòng Quản lý đào tạo	Chuyên viên hoặc tương đương
3		Phó Trưởng phòng Quản lý khoa học	Chuyên viên hoặc tương đương
4		Phó Trưởng phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng	Chuyên viên hoặc tương đương
5		Phó Trưởng phòng Công tác sinh viên	Chuyên viên hoặc tương đương
6		Phó Trưởng phòng Quản trị thiết bị	Chuyên viên hoặc tương đương
7		Phó Trưởng phòng Thanh tra giáo dục	Chuyên viên hoặc tương đương
8		Phó Trưởng phòng Công nghệ thông tin	Chuyên viên hoặc tương đương
9		Phó Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính	Chuyên viên hoặc tương đương
10		Phó Trưởng phòng Quản lý Ký túc xá	Chuyên viên hoặc tương đương
11		Phó Giám đốc Thư viện	Chuyên viên hoặc tương đương
12		Phó Trưởng Trạm Y tế	Chuyên viên hoặc tương đương
13		Phó Giám đốc Trung tâm Tuyển sinh và Quan hệ doanh nghiệp	Chuyên viên hoặc tương đương
14		Phó Giám đốc Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học	Chuyên viên hoặc tương đương
15		Phó Giám đốc Trung tâm Bồi dưỡng và Tư vấn tài chính - hải quan	Giảng viên, hạng III hoặc tương đương
16		Phó Viện trưởng Viện Đào tạo sau đại học	Giảng viên, hạng III hoặc tương đương

STT	Khung danh mục vị trí việc làm	Tên vị trí việc làm ¹	Chức danh nghề nghiệp, hạng chức danh nghề nghiệp tối thiểu ²
17		Phó Viện trưởng Viện Đào tạo thường xuyên	Giảng viên, hạng III hoặc tương đương
18		Phó Viện trưởng Viện Đào tạo quốc tế	Giảng viên, hạng III hoặc tương đương
19		Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Kinh tế ứng dụng	Giảng viên, hạng III hoặc tương đương
20		Phó Trưởng khoa Tài chính - Ngân hàng	Giảng viên, hạng III
21		Phó Trưởng khoa Thuế - Hải quan	Giảng viên, hạng III
22		Phó Trưởng khoa Quản trị kinh doanh	Giảng viên, hạng III
23		Phó Trưởng khoa Thương mại	Giảng viên, hạng III
24		Phó trưởng khoa Marketing	Giảng viên, hạng III
25		Phó Trưởng khoa Kế toán - Kiểm toán	Giảng viên, hạng III
26		Phó Trưởng khoa Thẩm định giá - Kinh doanh Bất động sản	Giảng viên, hạng III
27		Phó Trưởng khoa Du lịch	Giảng viên, hạng III
28		Phó Trưởng khoa kinh tế - Luật	Giảng viên, hạng III
29		Phó Trưởng khoa Công nghệ thông tin	Giảng viên, hạng III
30		Phó Trưởng khoa Lý luận chính trị	Giảng viên, hạng III
31		Phó Trưởng khoa Giáo dục quốc phòng và GDTC	Giảng viên, hạng III
32		Phó Trưởng khoa Ngoại ngữ	Giảng viên, hạng III
	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý tổ chức, đơn vị cấu thành đơn vị thuộc Trường (bộ môn thuộc Khoa)		
1	Trưởng bộ môn	Trưởng bộ môn thuộc Khoa	Giảng viên, hạng III
2	Phó trưởng bộ môn	Phó trưởng bộ môn thuộc Khoa	Giảng viên, hạng III
III	Chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy thuộc Trường		
1.	Giảng viên cao cấp	Giảng viên cao cấp	Hạng I
2.	Giảng viên chính	Giảng viên chính	Hạng II
3.	Giảng viên	Giảng viên	Hạng III
4.	Trợ giảng	Trợ giảng	Hạng III

**BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

**VỊ TRÍ VIỆC LÀM CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP CHUYÊN MÔN
DÙNG CHUNG VÀ HỖ TRỢ, PHỤC VỤ**

STT	Khung danh mục vị trí việc làm	Danh mục vị trí việc làm của đơn vị	Hạng chức danh nghề nghiệp tối thiểu
I	Chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung		
1	Tổ chức nhân sự	Chuyên viên tổ chức nhân sự	Chuyên viên
2	Hành chính, tổng hợp	Chuyên viên hành chính, tổng hợp	Chuyên viên
3	Tuyển sinh	Chuyên viên tuyển sinh	Chuyên viên
4	Quản lý hoạt động đào tạo	Chuyên viên quản lý hoạt động đào tạo	Chuyên viên
5	Quản lý chất lượng giáo dục	Chuyên viên quản lý chất lượng giáo dục	Chuyên viên
6	Quản lý khoa học và công nghệ	Chuyên viên quản lý khoa học và công nghệ	Chuyên viên
7	Hợp tác quốc tế	Chuyên viên hợp tác quốc tế	Chuyên viên
8	Quản lý sinh viên; công tác chính trị - tư tưởng	Chuyên viên quản lý sinh viên và công tác chính trị, tư tưởng	Chuyên viên
9	Kế hoạch, tài chính, kế toán	Kế toán viên	Chuyên viên
10	Thanh tra, pháp chế	Chuyên viên thanh tra, pháp chế	Chuyên viên
11	Quản trị thiết bị, tài sản; Kỹ thuật, thiết bị và phòng thực hành	Chuyên viên quản trị thiết bị, tài sản; Kỹ thuật, thiết bị và phòng thực hành	Chuyên viên
12	Nghiên cứu khoa học	Nghiên cứu viên	Chuyên viên
13	Quản lý dự án	Chuyên viên quản lý dự án	Chuyên viên
14	Tạp chí khoa học	Chuyên viên tạp chí khoa học	Chuyên viên
15	Công nghệ thông tin	Chuyên viên công nghệ thông tin	Chuyên viên

16	Truyền thông, Marketing	Chuyên viên về truyền thông, marketing	Chuyên viên
17	Tư vấn hỗ trợ sinh viên	Chuyên viên tư vấn, hỗ trợ	Chuyên viên
18	Thủ quỹ	Thủ quỹ cơ quan	Chuyên viên
19	Văn thư, lưu trữ	Văn thư viên, Lưu trữ viên	Chuyên viên
20	Thư viện	Thư viện viên	Chuyên viên
21	Giáo vụ	Giáo vụ khoa	Cán sự
22	Y tế	Bác sĩ, Điều dưỡng viên	Cán sự
II	Hỗ trợ, phục vụ		
1	Nhân viên tạp vụ	Nhân viên tạp vụ	Nhân viên
2	Nhân viên bảo vệ	Nhân viên bảo vệ	Nhân viên
3	Lái xe cơ quan	Lái xe cơ quan	Nhân viên
4	Chăm sóc cây xanh	Chăm sóc cây xanh	Nhân viên

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING

DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ SỐ NGƯỜI LÀM VIỆC
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - MARKETING GIAI ĐOẠN 2021 - 2023
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 20 /NQ-ĐHTCM-HĐT ngày 28 tháng 10 năm 2021
của Hội đồng trường)

Số TT	Vị trí việc làm số	DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM	Số người làm việc hiện có (T6/2021)	Số lượng người làm việc trong năm 2021	Số lượng người làm việc năm trong 2022	Số lượng người làm việc năm trong 2023
1		2	3	4	5	6
I		NHÓM VỊ TRÍ VIỆC LÀM GẮN VỚI CÔNG TÁC QUẢN TRỊ	1	1	1	1
1	1	Chủ tịch Hội đồng trường	1	1	1	1
II		NHÓM VỊ TRÍ VIỆC LÀM GẮN VỚI CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH	97	100	100	100
1	2	Hiệu trưởng	1	1	1	1
2	3	Phó Hiệu trưởng	2	3	3	3
3		Trưởng, phó các đơn vị thuộc Trường	94	96	96	96
3.1	4	Trưởng phòng, Viện trưởng, Giám đốc, Trưởng trạm	18	18	18	18
3.2	5	Trưởng khoa chuyên môn	12	12	12	12
3.3	6	Phó Trưởng phòng, Phó Viện trưởng, Phó Giám đốc	18	18	18	18
3.4	7	Phó Trưởng khoa chuyên môn	19	19	19	19

Số TT	Vị trí việc làm số	DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM	Số người làm việc hiện có (T6/2021)	Số lượng người làm việc trong năm 2021	Số lượng người làm việc năm trong 2022	Số lượng người làm việc năm trong 2023
3.5	8	Trưởng bộ môn	10	10	10	10
3.6	9	Phó Trưởng bộ môn	17	19	19	19
Tổng	9 vị trí					
III		NHÓM VỊ TRÍ VIỆC LÀM CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP CHUYÊN NGÀNH	312	357	373	384
	10 11 12 13	<i>Giảng viên thuộc các khoa chuyên môn, viện đào tạo, viện nghiên cứu, gồm (không giữ chức vụ quản lý):</i> Giảng viên cao cấp Giảng viên chính Giảng viên Trợ giảng	312	357	373	384
1		Khoa Quản trị kinh doanh	31	38	37	37
2		Khoa Marketing	26	33	33	36
3		Khoa Thẩm định giá - Kinh doanh BĐS	6	8	8	8
4		Khoa Thương mại	18	25	25	25
5		Khoa Du lịch	12	13	16	19
6		Khoa Kế toán - Kiểm toán	35	38	38	38
7		Khoa Tài chính - Ngân hàng	37	41	44	47
8		Khoa Thuế - Hải quan	16	16	16	16
9		Khoa Công nghệ thông tin	17	21	21	21
10		Khoa Ngoại ngữ	39	44	44	44

Số TT	Vị trí việc làm số	DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM	Số người làm việc hiện có (T6/2021)	Số lượng người làm việc trong năm 2021	Số lượng người làm việc năm trong 2022	Số lượng người làm việc năm trong 2023
11		Khoa Lý luận chính trị	11	13	13	15
12		Khoa Kinh tế - Luật	38	41	43	43
13		Khoa GDQP và GDTC	17	17	26	26
14		Viện Đào tạo quốc tế	2	2	2	2
15		Viện Nghiên cứu Kinh tế ứng dụng	7	7	7	7
Tổng	4 vị trí					
IV		NHÓM VỊ TRÍ VIỆC LÀM GẮN VỚI CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP CHUYÊN MÔN DÙNG CHUNG (<i>Chuyên viên cao cấp, Chuyên viên chính, Chuyên viên, Cán sự, ...</i>)	127	127	136	139
1		Phòng Tổ chức - Hành chính	10	10	10	10
1.1	14	Tổ chức, nhân sự	10	10	10	10
1.2	15	Pháp chế				
1.3	16	Hành chính, tổng hợp				
1.4	17	Văn thư, lưu trữ				
2		Phòng Quản lý đào tạo	15	15	15	15
2.1	18	Tuyển sinh (hệ chính quy)	15	15	15	15
2.2	19	Quản lý hoạt động đào tạo (chính quy)				
2.3	20	Tốt nghiệp, cấp phát văn bằng				
2.4	21	Quản lý chương trình chất lượng cao				
2.5	22	Quản trị phân hệ trong UIS; phát triển, ứng dụng CNTT nội bộ				
3		Phòng Công tác sinh viên	7	7	7	7

Số TT	Vị trí việc làm số	DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM	Số người làm việc hiện có (T6/2021)	Số lượng người làm việc trong năm 2021	Số lượng người làm việc năm trong 2022	Số lượng người làm việc năm trong 2023
3.1	23	Công tác chính trị, tư tưởng	7	7	7	7
3.2	24	Quản lý sinh viên				
3.3	25	Quản lý hồ sơ sinh viên				
3.4	26	Chế độ chính sách & thi đua khen thưởng, kỷ luật sinh viên				
3.5	27	Đánh giá rèn luyện sinh viên				
4		Phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng	15	14	14	14
4.1	28	Khảo thí	15	14	14	14
4.2	29	Đảm bảo chất lượng				
5		Phòng Quản lý khoa học	6	6	6	6
5.1	30	Quản lý thực hiện đề tài, đề án, hội thảo khoa học	6	6	6	6
5.2	31	Quản lý biên soạn giáo trình, tài liệu, chương trình đào tạo, NCKH sinh viên, tạp chí				
5.3	32	Hợp tác quốc tế				
6		Phòng Thanh tra giáo dục	5	5	5	5
6.1	33	Thanh tra, kiểm tra, giám sát	5	5	5	5
6.2	34	Giải quyết khiếu nại tố cáo				
7		Phòng Kế hoạch - Tài chính	10	10	11	11
7.1	35	Kế toán tổng hợp	10	10	11	11
7.2		Kế toán thanh toán, tiền mặt, công nợ, tài sản				
7.3		Kế toán ngân hàng, kho bạc				
7.4		Kế toán tiền lương, thuế				
7.5		Kế toán xây dựng cơ bản				
7.6		Mua sắm, sửa chữa tài sản				
7.7	36	Công tác thu				
7.8	37	Thủ quỹ				
8		Phòng Quản trị thiết bị	7	7	7	7

Số TT	Vị trí việc làm số	DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM	Số người làm việc hiện có (T6/2021)	Số lượng người làm việc trong năm 2021	Số lượng người làm việc năm trong 2022	Số lượng người làm việc năm trong 2023
8.1	38	Quản lý tài sản	7	7	7	7
8.2	39	Điều phối giảng đường				
8.3	40	Giám sát việc sử dụng cơ sở vật chất tại cơ sở				
8.4	41	Quản lý các dự án và quản lý công việc cải tạo, sửa chữa lớn và xây dựng mới công trình				
8.5	42	Đầu mối mua sắm; quản lý kho vật tư; cấp phát vật tư				
9		Phòng Quản lý Ký túc xá	3	3	3	3
9.1	43	Quản lý sinh viên nội trú; phong trào sinh viên	3	3	3	3
9.2	44	Quản lý hồ sơ sinh viên (nội trú)				
9.3	45	Sửa chữa cơ sở vật chất KTX				
10		Phòng Công nghệ thông tin	7	7	8	9
10.1	46	Quản trị website Trường và phần mềm ứng dụng	7	7	8	9
10.2	47	Quản lý hạ tầng mạng và thiết bị CNTT				
10.3	48	Quản trị hệ thống máy chủ				
10.4	49	Quản lý phòng máy thực hành				
10.5	50	Hướng dẫn sử dụng phần mềm; cấp phát tài khoản tên miền ufm.edu.vn; hỗ trợ tạo lớp trực tuyến và thi trực tuyến				
10.6	51	Công tác lập dự toán	4	4	6	6
11		Viện Đào tạo sau đại học				
11.1		Tuyển sinh (Sau đại học)				
11.2		Quản lý hoạt động đào tạo (Sau đại học)				
11.3		Tốt nghiệp, cấp phát văn bằng				
11.4	52	Quản lý dữ liệu	4	4	6	6
11.5	53	Công tác tài chính đơn vị tự chủ				
12		Viện Đào tạo thường xuyên	2	2	4	4
12.1		Tuyển sinh (Đại học VLVH)	2	2	4	4

Số TT	Vị trí việc làm số	DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM	Số người làm việc hiện có (T6/2021)	Số lượng người làm việc trong năm 2021	Số lượng người làm việc năm trong 2022	Số lượng người làm việc năm trong 2023
12.2		Quản lý hoạt động đào tạo (Đại học VLVH)				
12.3		Quản lý sinh viên (VLVH)				
12.4		Công tác tài chính đơn vị tự chủ				
13		Viện Nghiên cứu Kinh tế ứng dụng	3	4	4	4
13.1	54	Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ	3	4	4	4
13.2	55	Điều phối mạng lưới nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh				
13.3	56	Công tác hành chính viện				
14		Viện Đào tạo quốc tế	3	3	5	6
14.1	57	Quản lý chương trình	3	3	5	6
14.2	58	Truyền thông, marketing tuyển sinh				
14.3		Quản lý sinh viên (chương trình LKQT)				
14.4	59	Quản lý chuyển tiếp chương trình				
14.5	60	Nghiên cứu phát triển chương trình				
14.6		Công tác tài chính đơn vị tự chủ				
15		Thư viện	9	9	10	11
15.1	61	Công tác phục vụ bạn đọc	9	9	10	11
15.2	62	Khai thác, bổ sung, quản lý và phát triển nguồn lực thông tin của Thư viện				
15.3	63	Quản lý và phát triển các dịch vụ thông tin - tư liệu trong Thư viện				
15.4	64	Quản lý, vận hành trang thiết bị và hệ thống thông tin số của thư viện				
15.5	65	Nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ vào hoạt động thư viện				
16		Trạm Y tế	7	7	7	7
16.1	66	Chăm sóc sức khỏe học đường	7	7	7	7
16.2		Khám chữa bệnh ban đầu				

Số TT	Vị trí việc làm số	DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM	Số người làm việc hiện có (T6/2021)	Số lượng người làm việc trong năm 2021	Số lượng người làm việc năm trong 2022	Số lượng người làm việc năm trong 2023
16.3	67	Bảo hiểm y tế sinh viên				
16.4	68	Vệ sinh phòng dịch bệnh				
17		Trung tâm Tuyển sinh và Quan hệ doanh nghiệp	5	5	5	5
17.1	69	Truyền thông	5	5	5	5
17.2	70	Tư vấn tuyển sinh				
17.3	71	Quan hệ doanh nghiệp				
18		Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học	7	7	7	7
18.1	72	Đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ	7	7	7	7
18.2	73	Đào tạo, bồi dưỡng tin học				
18.3	74	Tư vấn, hỗ trợ người học; tài chính, hành chính				
19		Trung tâm Bồi dưỡng và Tư vấn tài chính - hải quan	2	2	2	2
19.1	75	Đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ	2	2	2	2
19.2	76	Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng				
19.3		Tư vấn, hỗ trợ người học; tài chính, hành chính				
V		NHÓM VỊ TRÍ VIỆC LÀM GẮN VỚI CÔNG VIỆC HỖ TRỢ, PHỤC VỤ (<i>Chuyên viên, Cán sự, Nhân viên, HĐLĐ theo ND 68, HĐLĐ khoán, vụ việc</i>)	80	80	81	81
1		Phòng Tổ chức - Hành chính	28 (11 HĐLĐ 68)	28 (11 HĐLĐ 68)	28 (11 HĐLĐ 68)	28 (11 HĐLĐ 68)
1.1	77	Tạp vụ	28 (11 HĐLĐ 68)	28 (11 HĐLĐ 68)	28 (11 HĐLĐ 68)	28 (11 HĐLĐ 68)
1.2	78	Bảo vệ				
1.3	79	Lái xe				
2		Phòng Quản trị thiết bị	28 (22 HĐLĐ 68)	28 (22 HĐLĐ 68)	28 (22 HĐLĐ 68)	28 (22 HĐLĐ 68)

Số TT	Vị trí việc làm số	DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM	Số người làm việc hiện có (T6/2021)	Số lượng người làm việc trong năm 2021	Số lượng người làm việc năm trong 2022	Số lượng người làm việc năm trong 2023
2.1		Tạp vụ	28 (22 HDLĐ 68)	28 (22 HDLĐ 68)	28 (22 HDLĐ 68)	28 (22 HDLĐ 68)
2.2	80	Kỹ thuật điện, nước				
2.3	81	Chăm sóc cây xanh				
3		Phòng Quản lý Ký túc xá	4 (4 HDLĐ 68)	4 (4 HDLĐ 68)	4 (4 HDLĐ 68)	4 (4 HDLĐ 68)
3.1		Tạp vụ	4 (4 HDLĐ 68)	4 (4 HDLĐ 68)	4 (4 HDLĐ 68)	4 (4 HDLĐ 68)
3.2		Kỹ thuật điện, nước				
3.3		Bảo vệ KTX				
4		Phòng Công tác sinh viên	2	2	2	2
4.1	82	Chuyên trách công tác Đoàn - Hội SV	2	2	2	2
5		Các khoa chuyên môn <i>(Giáo vụ/Thư ký khoa; Cố vấn học tập)</i>	18	18	19	19
	83	Giáo vụ/Thư ký khoa	18	18	19	19
5.1		Khoa Quản trị kinh doanh	1	1	2	2
5.2		Khoa Marketing	2	2	2	2
5.3		Khoa Thẩm định giá - Kinh doanh Bất động sản	1	1	1	1
5.4		Khoa Thương mại	2	2	2	2
5.5		Khoa Du lịch	2	2	2	2
5.6		Khoa Kế toán - Kiểm toán	2	2	2	2
5.7		Khoa Tài chính - Ngân hàng	2	2	2	2
5.8		Khoa Thuế - Hải quan	1	1	1	1
5.9		Khoa Công nghệ thông tin	1	1	1	1
5.10		Khoa Ngoại ngữ	1	1	1	1
5.11		Khoa Lý luận chính trị	1	1	1	1
5.12		Khoa Kinh tế - Luật	1	1	1	1

Số TT	Vị trí việc làm số	DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM	Số người làm việc hiện có (T6/2021)	Số lượng người làm việc trong năm 2021	Số lượng người làm việc năm trong 2022	Số lượng người làm việc năm trong 2023
5.13		Khoa Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất	1	1	1	1
	84	Cố vấn học tập (thuộc 11 khoa)	GV kiêm	GV kiêm	GV kiêm	GV kiêm
Tổng	84 vị trí					
	84 vị trí	TỔNG CỘNG	617	665	691	705
		Viên chức	549	597	621	634
		Hợp đồng lao động theo ND 68	37	37	37	37
		Hợp đồng lao động khoán, vụ việc	31	31	33	34
		Phân tích riêng về số lượng giảng viên				
		<i>Tổng số giảng viên (đã tính giảng viên kiêm chức)</i>	403	451	467	476
		<i>Viên chức khối quản lý (đã trừ giảng viên kiêm chức)</i>	146	146	154	158
		<i>Tỷ lệ GV/VC khối quản lý, phục vụ</i>	403/146 73/27	451/146 75/25	467/154 75/25	476/158 75/25